

Bản án số: 06/2020/DS-PT
Ngày: 25/02/2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trúc và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2019/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2020; Thông báo mở lại phiên tòa số: 10/2020/TB-TA ngày 04 tháng 02 năm 2020; Thông báo mở lại phiên tòa số: 22/2020/TB-TA ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ N, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn 1, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Minh T, sinh năm 1975; Địa chỉ: 265 H, Phường 5, Tp. T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Y, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố L, Phường 9, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người làm chứng: Bà Bùi Thị Th; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phan Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lưu Thị Tuyết A trình bày:

Giữa bà Y và bà N có quan hệ mua bán thịt heo với nhau, bà Y mượn của bà N nhiều lần số tiền là 100.000.000đ và 05 chỉ vàng y. Đến ngày 15/9/2016 bà

Y đã trả và chốt số nợ còn lại là 40.000.000đ và 05 chỉ vàng y. Sau đó bà Y gửi bà H1 trả cho bà N 05 chỉ vàng y, còn lại 40.000.000đ chưa trả. Ngoài giấy cam kết ngày 15/9/2016 thì không còn giấy tờ gì chứng minh khoản nợ giữa hai bên.

Việc bà Y cho rằng đã trả cho bà N 40.000.000đ bằng cách hàng tháng bà Y đưa tiền cho bà N để bà N nộp tiền huê cho bà Bùi Thị Th; bà N không biết bà Th là ai, không chơi huê và không chơi giúp bà Y chân huê nào với bà Th. Nay bà N yêu cầu bà Y phải trả đủ số tiền 40.000.000đ và không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Phan Thị Y trình bày: Bà Y quen bà N vì chỗ bạn hàng mua bán thịt heo với nhau. Năm 2015, hai bên chốt nợ 100.000.000đ và 05 chỉ vàng y như bà N trình bày là đúng. Đến năm 2016, bà Y có trả cho bà N 30.000.000đ, không viết giấy tờ gì, sau đó bà chơi 01 chân huê với chị N; thực chất chân huê này là chị N chơi, thay vì bà Y trả một lần khoản nợ cho bà N thì bà Y hàng tháng nộp cho bà N 4.000.000đ để chơi chân huê này.

Trong khi đó, tháng 9/2016, con gái bà Y trả cho bà N 30.000.000đ và bà Y xác nhận nợ tính đến ngày 15/9/2016 còn nợ bà N 40.000.000đ và 05 chỉ vàng y. Cuối năm 2016, bà Y mang lên trả 05 chỉ vàng y cho bà N nhưng không có bà N ở nhà nên bà gửi lại cho bà H1 trả thay. Số tiền nợ bà chơi chân huê có từ trước với bà N, nộp được 12 tháng đến năm 2017 mới xong chân huê. Bà Bùi Thị Th là chủ cái huê bà N chơi, chính bà N là người dẫn bà đến nhà mới biết nhà bà Th, bà Y không trực tiếp nộp tiền huê cho bà Th mà đều đưa qua cho bà N nộp, mục đích trừ nợ bà N. Hàng tháng bà N nộp 4.000.000đ và nộp 12 tháng nhưng bà N nói huê lỗ nên bà Y nộp thêm 5.600.000đ nữa. Như vậy, bà Y đã trả xong số nợ 40.000.000đ nhưng khi đòi lại giấy nợ bà N lại nói còn số nợ 40.000.000đ. Việc chơi huê cũng vì tin tưởng lẫn nhau nên không viết giấy tờ gì, bà Y không có tài liệu gì khác liên quan đến việc chơi huê. Nay bà N yêu cầu bà Y trả 40.000.000đ bà Y không chấp nhận.

Người làm chứng bà Bùi Thị Th: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Th đều vắng mặt, không tiến hành lấy được lời khai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2019/DS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Mỹ N đề ngày 07/12/2018.

Buộc bị đơn bà Phan Thị Y trả lại cho bà Trương Thị Mỹ N số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) về khoản vay tài sản; ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, bị đơn bà Phan Thị Y có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Phan Thị Y giữ nguyên yêu cầu kháng cáo – cho rằng đã trả đủ số tiền 40.000.000đ, không còn nợ bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Bị đơn kháng cáo, nhưng không xuất trình được chứng cứ, chứng minh sau ngày 15/9/2016 đã trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Y - giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng đã trả số tiền nợ cho nguyên đơn:*

[2.1] *Về số nợ:* Nguyên đơn bà N, bị đơn bà Y thống nhất xác định tại giấy nợ ngày 15/9/2016 bà Y còn nợ bà N 40.000.000đ và 05 chỉ vàng y, sau đó bà Y trả tiếp 05 chỉ vàng y.

[2.2] *Việc trả nợ số tiền 40.000.000đ còn lại:* Bà N khẳng định bà Y chưa trả. Còn bà Y cho rằng đã trả xong nợ, cụ thể: Hàng tháng, bà Y đưa cho bà N 4.000.000đ để bà N nộp tiền huê cho bà Th (chân huê này bà N là người chơi, bà Th là cái huê) và nộp 12 tháng (đến năm 2017) nhưng bà N nói huê lỗ nên bà Y nộp thêm 5.600.000đ nữa, xem như đã trả xong số tiền nợ 40.000.000đ. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm (Biên bản phiên tòa sơ thẩm bút lục số 38) và phiên tòa phúc thẩm bà Y xác định việc bà Y đưa tiền cho bà N không có giấy tờ, bà Th không biết. Nay bà N không thừa nhận, bà Y cũng không xuất trình được chứng cứ, chứng minh việc đưa tiền cho bà N mỗi tháng 4.000.000đ trong khoảng thời gian 12 tháng. Do đó, không có căn cứ để xác định sau ngày 15/9/2016 bà Y đã trả cho bà N số tiền 40.000.000đ. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn trả số tiền nợ 40.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử không thể thỏa mãn với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Y.

[3] *Về án phí:* Bị đơn bà Phan Thị Y kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Y; Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ N. Buộc bị đơn bà Phan Thị Y phải trả cho nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ N số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) về khoản vay tài sản.

Về án phí: Bị đơn bà Phan Thị Y phải chịu 2.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm; 300.000đ án phí phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tại biên lai thu tiền số 0015020 ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng 1.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0013270 ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TP. T (2);
- CCTHADS TP. T;
- CCTHADS huyện P;
- P.KTNV-THA;
- VP-TNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang